TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2026/DS - ST
Ngày: 10/6/2026.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Thái.
2. Ông Nguyễn Chí Hữu.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Nhung.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2026/TLST - DS ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2026/QĐXXST - DS ngày 14 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H2).

Địa chỉ: B B N, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ - Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Thùy L - Giám đốc H2 - Chi nhánh B - Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H2); địa chỉ: F tỉnh lộ 882, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Trương Thị Thùy L ủy quyền lại cho: Ông Nguyễn Phạm Quốc T; ông Nguyễn Nhựt H; địa chỉ liên hệ: H2 - Chi nhánh B; địa chỉ: F tỉnh lộ 882, xã P, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt - có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

** Bị đơn:*

- Bà Trương Thị H1 - Sinh năm: 1969; địa chỉ: 2 ấp G, xã H, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt - có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Ông Dương Văn P - Sinh năm: 1966 địa chỉ: 2 ấp G, xã H, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện trình bày:

Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H2) cho bà Trương Thị H1 và ông Dương Văn P vay số tiền 700.000.000đồng, thời gian vay là 12 tháng từ ngày 10/7/2025 - 10/7/2026 theo hợp đồng tín dụng số: 14816/23MN/HDTD ngày 15/6/2023 và theo đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 14816/23MN/HĐTD/KUUNN03 ngày 09/7/2025.

Do bị đơn trả nợ không đúng hạn nên tính đến ngày 10/3/2026 còn nợ số tiền 414.780.266đồng, trong đó: nợ gốc: 386.000.000đồng, lãi trong hạn: 28.184.220đồng; lãi quá hạn 596.046đồng.

Nay Ngân hàng H2 yêu cầu bà Trương Thị H1 và ông Dương Văn P liên đới trả lại số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 10/3/2026 với số tiền 414.780.266đồng như đã nói trên.

Trường hợp ông P và bà H1 không thực hiện được việc trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu kê biên, phát mại tài sản thế chấp (bảo lãnh) là quyền sử dụng đất tại thửa 335 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp G, xã H, tỉnh Vĩnh Long) theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 11283/23/MN/HĐBD ngày 15/6/2023.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà H1 trình bày:

Bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng vay vốn đã ký kết. Thống nhất về số tiền vay và số tiền hiện tại bị đơn còn nợ tạm tính đến ngày 10/3/2026 số tiền 401.643.444đồng nhưng do chưa bán được đất nên chưa trả nợ được.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông P trình bày:

Ông P vắng mặt nên không có lời trình bày.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bị đơn chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên tranh chấp và nguyên đơn có đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn là bà H1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt và bị đơn là ông P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do vậy, việc Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H2) yêu cầu các bị đơn liên đới trả cho Ngân hàng khoản nợ tạm tính đến ngày 10/6/2026 theo hợp đồng tín dụng số: 14816/23MN/HDTD ngày 15/6/2023 (giải ngân theo đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 14816/23MN/HĐTD/KUUNN03 ngày 09/7/2025) với số tiền nợ là 414.780.266đồng, trong đó: nợ gốc: 386.000.000đồng, lãi trong hạn: 28.184.220đồng; lãi quá hạn 596.046đồng.

Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi đối với số tiền nói trên theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Trường hợp bị đơn không thanh toán được số nợ nói trên thì Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa 335 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp G, xã H, tỉnh Vĩnh Long) theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 11283/23/MN/HĐBD ngày 15/6/2023.

Bị đơn là bà Hòa đồng Ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn là ông P vắng mặt nên không có lời trình bày.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần thì Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H là tổ chức tín dụng và được tự thỏa thuận lãi khi giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình Ngân hàng có nộp cho Tòa án Hợp đồng tín dụng số: 14816/23MN/HDTD ngày 15/6/2023; đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 14816/23MN/HĐTD/KUUNN03 ngày 09/7/2025; Hợp đồng thế chấp tài sản số: 11283/23/MN/HĐBD ngày 15/6/2023. Các hợp đồng này có chữ ký của bị đơn và được chứng thực chữ ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà H1 cũng đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng. Từ đó cho thấy, việc nguyên đơn yêu cầu bị trả lại khoản nợ nói trên là có cơ sở nên được chấp nhận.

Đối với việc Ngân hàng đề nghị được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp là thửa 335 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp G, xã H, tỉnh Vĩnh Long) trong trường hợp bị đơn không trả được nợ là phù hợp với hợp đồng thế chấp tài sản số: 11283/23/MN/HĐBD ngày 15/6/2023 nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định, cụ thể:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng là 400.000đồng, phía Ngân hàng đã nộp xong. Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên cần buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn chi phí này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các điều 99, 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng.

Các điều 147, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H2).

Buộc bị đơn là bà Trương Thị H1 và ông Dương Văn P phải liên đới trả lại cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 10/6/2026 theo hợp đồng tín dụng số 14816/23MN/HDTD ngày 15/6/2023 và theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 14816/23MN/HĐTD/KUUNN03 ngày 09/7/2025 với số tiền là 414.780.266đồng (bốn trăm mười bốn triệu bảy trăm tám mươi ngàn hai trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó:

Nợ gốc: 386.000.000đồng (ba trăm tám mươi sáu triệu đồng), lãi trong hạn: 28.184.220đồng (hai mươi tám triệu một trăm tám mươi bốn ngàn hai trăm hai mươi đồng); lãi quá hạn 596.046đồng (năm trăm chín mươi sáu ngàn không trăm bốn mươi sáu đồng).

Tiếp tục tính lãi đối với khoảng tiền mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ sau ngày 10/6/2026 với lãi suất theo hợp đồng tín dụng và theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ nói trên.

Trường hợp bị đơn không thanh toán được số nợ nói trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa 335 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp G, xã H, tỉnh Vĩnh Long) theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 11283/23/MN/HĐBD ngày 15/6/2023.

2. Về án phí sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H không phải nộp án phí, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.102.320đồng (mười triệu một trăm lẻ hai ngàn ba trăm hai mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005901 ngày 02/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn là bà Trương Thị H1 và ông Dương Văn P phải liên đới nộp 20.591.000đồng (hai mươi triệu năm trăm chín mươi mốt ngàn đồng) tiền án phí.

3. Về chi phí tố tụng:

Buộc bị đơn là bà Trương Thị H1 và ông Dương Văn P phải liên đới trả lại cho Ngân hàng chi phí tố tụng là 400.000đồng (bốn trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hsva, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Ngọc Tú